

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La
giai đoạn 2021-2025

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La về đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 915/TTr-SNV ngày 13 tháng 11 năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Giao Sở Nội vụ (cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh) giúp UBND tỉnh đôn đốc, theo dõi việc tổ chức triển khai thực hiện quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực MTTQ và các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Thành viên Ban chỉ đạo CCHC tỉnh;
- Ban Tuyên giáo tỉnh ủy;
- Văn Phòng tỉnh ủy;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Sơn La;
- Trung tâm Thông tin VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, LX (32b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Quốc Khánh



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 1971/QĐ-UBND ngày 02/12/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính (sau đây viết tắt là CCHC) nhà nước giai đoạn 2021- 2030, UBND tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục đẩy mạnh CCHC nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình, hệ thống cơ quan hành chính nhà nước các cấp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ; cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công của cơ quan hành chính nhà nước các cấp, lấy sự hài lòng cao nhất của người dân, doanh nghiệp là mục tiêu phục vụ.

CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2025 tập trung vào 6 nội dung, đó là: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công và Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

Duy trì và phấn đấu đến năm 2025, Chỉ số cải cách hành chính trong nhóm khá của cả nước (*danh sách xếp hạng của 20 tỉnh, thành phố*), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) đạt từ 90% trở lên; Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) đạt điểm trung bình cao của cả nước; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trong nhóm trung bình của cả nước; Chỉ số về độ sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển CNTT-TT (ICT Index) tỉnh và Chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) trong nhóm khá của cả nước; Chỉ số công khai ngân sách tỉnh (POBI) nằm trong nhóm B của cả nước (*trong топ 30 tỉnh, thành phố*).

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về cải cách thể chế, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, đảm bảo yêu cầu hiện đại, hội nhập và có tính khả thi, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho hoạt động phát

triển kinh tế - xã hội của địa phương; tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức và toàn xã hội.

b) Về cải cách TTHC, cải cách quyết liệt, hiệu quả quy định TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp, TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước, bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh, cắt giảm chi phí tuân thủ pháp luật cho doanh nghiệp và người dân, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch; đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

c) Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, tiếp tục rà soát, sắp xếp, tinh gọn hệ thống tổ chức cơ quan hành chính nhà nước các cấp ở địa phương theo quy định, giảm mạnh đầu mối các tổ chức trung gian; tăng cường đổi mới, cải tiến phương thức làm việc nhằm nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước; tăng cường rà soát, sắp xếp lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý và nâng cao hiệu quả hoạt động.

d) Về cải cách chế độ công vụ, xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động. Thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai minh bạch trong tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức để thu hút người thực sự có đức, có tài làm việc trong cơ quan hành chính nhà nước.

đ) Về cải cách tài chính công, đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra, nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sự sáng tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; kiểm soát tham nhũng tại các cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp. Huy động tối đa các nguồn lực để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tăng thu ngân sách, tạo động lực tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, ổn định xã hội, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh: xây dựng Sơn La phát triển xanh, nhanh và bền vững.

e) Về xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số để tạo nền tảng, cơ sở cho hoàn thiện Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số, phát triển dịch vụ đô thị thông minh, kinh tế số và xã hội số; xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Sơn La thuộc nhóm khá của các tỉnh miền núi phía Bắc; hình thành các cơ chế, chính sách để kinh tế số đóng góp quan trọng vào GRDP của tỉnh; thúc đẩy quá trình phát triển dịch vụ đô thị thông minh và xã hội số của tỉnh theo hướng bền vững đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Cải cách thể chế

a) Chỉ tiêu

+ Phần đầu 100% văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của Trung ương được cụ thể hóa hoặc triển khai kịp thời; 100% văn bản QPPL của tỉnh được rà soát, sửa đổi, bổ sung, phù hợp với quy định của Trung ương, văn bản QPPL mới ban hành đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

+ 100% văn bản QPPL phát hiện sai phạm qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý; 100% văn bản QPPL được xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau rà soát.

+ Phần đầu 100% các văn bản QPPL về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, công chức, viên chức và người dân.

b) Nhiệm vụ

Xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện khai thông nguồn lực, thu hút các nhà đầu tư tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng có hiệu quả nguồn lực và tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia cung ứng dịch vụ trong môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh.

Bám sát chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước đã phân cấp cho địa phương để xây dựng hệ thống văn bản của tỉnh liên quan đến đối tượng là người dân, trong đó chú trọng bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, lấy ý kiến của nhân dân trước khi quyết định các chủ trương, chính sách quan trọng và về quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành mới các văn bản QPPL đảm bảo phù hợp với quy định của cơ quan nhà nước cấp trên, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong quản lý điều hành của địa phương.

Đổi mới, nâng cao chất lượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt tập trung vào việc rà soát các văn bản do HĐND, UBND các cấp ban hành với các quy định của Hiến pháp năm 2013, Luật ban hành văn bản QPPL và các văn bản QPPL của Trung ương; tăng cường tham vấn ý kiến chuyên môn của các hiệp hội, chuyên gia, nhà khoa học và tham vấn ý kiến rộng rãi của người dân, tổ chức và xã hội trong quá trình xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính minh bạch, tính nhất quán, ổn định và dự đoán được của pháp luật. Xây dựng văn bản QPPL đảm bảo đúng trình tự ban hành và đảm bảo tính khả thi cao trong triển khai thực hiện. Tăng cường kiểm tra, rà soát, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật.

Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật. Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Tổ chức tuyên truyền rộng rãi về quyền của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Chỉ tiêu

+ Đề xuất với cơ quan có thẩm quyền cắt giảm, đơn giản hóa số quy định và cắt giảm chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2020 (theo kế hoạch của Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành).

+ Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

+ Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

+ Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

+ 80% TTHC đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa Công dịch vụ công tỉnh với Công dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.

+ Trên 90% TTHC lĩnh vực thuế, ngân hàng, bảo hiểm xã hội được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4.

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

+ 90% TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời.

+ 100% TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh được công bố và công khai theo quy định; 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã công khai đầy đủ tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng TTĐT hoặc Công dịch vụ công của tỉnh.

+ Đưa 40% TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt.

+ Phần đầu 100% tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn và trước hạn; 100% phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh được xử lý đúng quy định.

+ 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản

lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

b) Nhiệm vụ

- Thực hiện nghiêm túc các chủ trương, định hướng về cải cách TTHC của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; rà soát, thống kê, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước, các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, loại bỏ các quy định không hợp pháp, không cần thiết, không hợp lý, bảo đảm thực chất. Tổ chức triển khai có kết quả Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh theo từng giai đoạn. Thực hiện cắt giảm thời gian và nâng cao chất lượng giải quyết TTHC trong tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước, nhất là TTHC liên quan tới người dân, doanh nghiệp; lựa chọn những vấn đề, TTHC cần cắt giảm về quy trình và bảo đảm cắt giảm ít nhất 25% thời gian giải quyết so với quy định.

- Kiểm soát chặt chẽ việc công bố TTHC và ban hành mới các TTHC thuộc thẩm quyền của địa phương theo quy định, thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai TTHC dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện. Triển khai có hiệu quả hệ thống Cơ sở dữ liệu Quốc gia về TTHC.

- Hoàn thành đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện việc phân cấp giải quyết TTHC theo Đề án của Chính phủ.

- Đẩy mạnh việc giải quyết TTHC trên môi trường điện tử. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ; trao đổi văn bản trên môi trường mạng; số hóa kết quả TTHC để nâng cao tính công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí.

- Kiện toàn, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp để cải thiện chất lượng giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Mở rộng và triển khai có hiệu quả các kênh tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức đối với quy định TTHC.

- Đề xuất giải pháp tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, TTHC, thông qua tăng cường đối thoại, lấy ý kiến người dân, doanh nghiệp. Tăng cường đối thoại giữa Nhà nước với doanh nghiệp và nhân dân; công khai các chuẩn mực, các quy định hành chính để nhân dân giám sát việc thực hiện.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc giải quyết TTHC.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Mục tiêu

+ Bảo đảm các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh có cơ cấu bên trong đúng quy định theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ; các cơ quan chuyên môn của UBND cấp huyện đúng quy định theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ. Số lượng cấp phó các

cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh, cấp huyện không vượt so với quy định.

+ Tiếp tục phân đầu giảm tối thiểu 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh so với năm 2021.

+ Tiếp tục phân đầu giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

+ Tiếp tục rà soát, thực hiện sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định.

+ 100% cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh hoàn thành việc bố trí, sắp xếp kiện toàn số lượng cấp phó của cơ quan, đơn vị bảo đảm theo đúng quy định của Chính phủ, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

+ Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ cung cấp y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

b) Nhiệm vụ

- Tiếp tục sắp xếp các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền; rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ; sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 19-NQ/TW theo hướng giảm đầu mối trực thuộc, giảm trung gian, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

- Rà soát, tiếp tục thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm. Rà soát, sắp xếp giảm tối đa các ban quản lý dự án, các tổ chức phối hợp liên ngành, nhất là các tổ chức có bộ phận giúp việc chuyên trách.

- Đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động để tinh gọn đầu mối, khắc phục chồng chéo, dàn trải và trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp; chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang tự chủ chi thường xuyên, chi thường xuyên và chi đầu tư. Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần. Đẩy mạnh xã hội hoá các dịch vụ công ở những nơi có đủ điều kiện, nhất là ở các khu đô thị; tăng cường giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước. Khuyến khích thành lập các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, nhất là trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế, khoa học và công nghệ.

- Rà soát, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, bản chưa đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định. Thực hiện sắp xếp, sáp nhập bản, tiểu khu, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động của bản, tiểu khu, tổ dân phố.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa 03 cấp chính quyền, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn với quyền hạn và trách nhiệm; khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các

quy định về phân cấp quản lý ở địa phương. Ban hành cơ chế, chính sách kiểm soát quyền lực chặt chẽ, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch và đề cao trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ phân cấp. Ban hành và triển khai các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.

- Đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động để tinh gọn đầu mối, khắc phục chồng chéo, dàn trải và trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp. Đẩy mạnh xã hội hoá các dịch vụ công ở những nơi có đủ điều kiện, nhất là ở các khu đô thị; tăng cường giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước. Khuyến khích thành lập các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, nhất là trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế, khoa học và công nghệ.

- Nghiên cứu, triển khai các biện pháp đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính các cấp trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Chỉ tiêu

- Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

- 100% đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện tuyển dụng viên chức đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định; 100% công chức, viên chức được bổ nhiệm đúng quy trình, tiêu chuẩn theo quy định.

- Hoàn thành 100% kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức; 100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức (*bao gồm cán bộ, công chức công tác tại các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã*) phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt 15%; hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 85%.

- Tỷ lệ viên chức trong các đơn vị sự nghiệp (*bao gồm viên chức trong các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh; viên chức trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh và viên chức trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND các huyện, thành phố*) phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt 15%; hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 85%.

b) Nhiệm vụ

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng tuyển dụng công chức, viên chức phù hợp với cơ cấu và vị trí việc làm; thi nâng ngạch công chức theo nguyên tắc cạnh tranh; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng

tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức. Triển khai thực hiện các quy định mới về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức; quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước. Chuyển đổi vị trí công tác theo quy định của Chính phủ.

- Thực hiện đúng quy định về tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước, tiêu chuẩn, điều kiện, chính sách để giảm tỉ lệ người phục vụ trong từng cơ quan, nhất là khối văn phòng.

- Sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu.

- Tổ chức triển khai đúng quy định về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức theo lộ trình cải cách chính sách tiền lương. Thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi hoạt động theo hướng đẩy mạnh tự chủ.

- Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng cơ chế cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với điều kiện của tỉnh và yêu cầu hội nhập quốc tế; có chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức học tập và tự học tập, không ngừng nâng cao trình độ và năng lực thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao. Nâng cao đạo đức công vụ thông qua tuyên truyền, bồi dưỡng, kiểm tra, giám sát trong quá trình thực thi công vụ. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực.

- Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo các quy định của pháp luật, gắn với các nội dung khác của công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Xây dựng cơ chế đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo kết quả công việc, gắn đánh giá với cơ chế trả thu nhập và khen thưởng đối với những cán bộ, công chức, viên chức xuất sắc.

- Xây dựng cơ chế đủ mạnh để cương quyết thay thế kịp thời đối với những cán bộ, công chức, viên chức không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; có cơ chế lương, thưởng, khuyến khích, thu hút những người có trình độ chuyên môn và tay nghề cao; đẩy mạnh việc luân chuyển cán bộ, công chức từ cấp tỉnh đến cấp huyện, từ cấp huyện đến cấp xã và ngược lại.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những tổ chức, cá nhân sai phạm, không có "vùng cấm".

- Thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi hoạt động theo hướng đẩy mạnh tự chủ.

- Đổi mới cơ chế quản lý và chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, bảo đảm giảm dần số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, nâng cao hiệu quả hoạt động, thực hiện khoán kinh phí.

5. Cải cách tài chính công

a) Chỉ tiêu

- Có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

- 100% các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách được xử lý kịp thời.

- Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm đạt từ 90% trở lên; 80% số cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý.

- 100% các đơn vị dự toán, các chủ đầu tư, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện công khai ngân sách theo quy định trên Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị.

b) Nhiệm vụ

- Triển khai có hiệu quả Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan để đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan hành chính nhà nước, thực hiện có hiệu quả cơ chế cấp ngân sách dựa trên kết quả và chất lượng hoạt động, hướng vào kiểm soát đầu ra, chất lượng chi tiêu theo mục tiêu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tăng cường các biện pháp để quản lý nguồn thu và bồi dưỡng nguồn thu, tập trung huy động các nguồn lực trong xã hội cho đầu tư phát triển. Thực hiện cân đối ngân sách địa phương theo hướng tích cực, đảm bảo tỷ lệ hợp lý cho đầu tư phát triển, thực hiện tiết kiệm triệt để, chống lãng phí trong sử dụng nguồn vốn ngân sách, đảm bảo các chính sách an sinh xã hội.

- Triển khai thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo các Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP đối với các cơ quan hành chính nhà nước; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên. Nâng cao hiệu quả thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhà nước.

- Chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; tạo sự cạnh tranh bình đẳng trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ sự nghiệp công.

- Phân cấp quản lý tài chính và ngân sách của tỉnh, đảm bảo tính thống nhất của hệ thống tài chính và tăng cường chủ động của các đơn vị dự toán ngân sách, bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả các khoản chi tài chính của khu vực công.

- Tích cực, chủ động, vận dụng sáng tạo mô hình kết hợp Nhà nước và doanh nghiệp trong đầu tư và quản lý, khai thác một số công trình, dự án trên các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực dịch vụ y tế, giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao và các dự án cơ sở hạ tầng.

- Nghiên cứu, đề xuất những chính sách và giải pháp nhằm thực hiện sâu rộng hơn chủ trương xã hội hóa lĩnh vực xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị, khoa học và công nghệ, hành chính - tư pháp, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao để thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển địa phương. Phát huy trách nhiệm và tính sáng tạo, chủ động của các đơn vị này nhằm cung cấp các dịch vụ công ngày càng có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của Nhân dân, đồng thời tạo động lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Chỉ tiêu

+ 100% Công dịch vụ công của tỉnh, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Công Dịch vụ công quốc gia.

+ 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được liền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó; 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp Chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

+ 80% các hệ thống thông tin của tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại.

+ Hệ thống báo cáo của tỉnh được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội được thực hiện trên Hệ thống.

+ Triển khai Trung tâm điều hành thông minh tỉnh; triển khai Hệ thống phòng họp không giấy (e-Cabinet) trên địa bàn tỉnh. Triển khai Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ đến UBND tỉnh, UBND cấp huyện: 100% cấp tỉnh, 80% cấp huyện thực hiện họp thông qua Hệ thống này đối với các cuộc họp của UBND.

+ 100% văn bản được trao đổi qua môi trường mạng dưới dạng văn bản điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.

+ Trên 90% tổng số hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; trên 80% tổng số hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% tổng số hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi

trường mạng (*trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

+ 100% cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

+ 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ 100% các cơ quan, địa phương hoàn thành việc xây dựng và đưa vào vận hành Phân hệ theo dõi nhiệm vụ UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh giao, bảo đảm hiển thị theo thời gian thực.

+ 100% giao dịch trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin điện tử cấp tỉnh được xác thực điện tử.

+ Rút ngắn từ 30% thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử

+ 80% cơ quan nhà nước thực hiện quản lý cán bộ, quản lý tài chính - kế toán qua môi trường số.

+ Phân đầu Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% đến trung tâm xã; tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%.

+ 100% cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước được tham gia đào tạo, tập huấn, diễn tập về bảo đảm an toàn thông tin; 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số, trong đó 30% được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu.

+ Tập trung đầu tư xây dựng thí điểm mô hình đô thị thông minh tại Thành phố Sơn La, huyện Mộc Châu.

b) Nhiệm vụ

- Hoàn thiện môi trường pháp lý: rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng khung pháp lý hỗ trợ xây dựng, phát triển Chính quyền số các cấp.

- Phát triển Hạ tầng số: phát triển hạ tầng truyền dẫn, hệ thống dữ liệu đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tại tỉnh.

- Phát triển Nền tảng và hệ thống số:

+ Duy trì Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP). Bảo đảm an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của tỉnh.

+ Xây dựng, phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

- Phát triển Dữ liệu số:

+ Xây dựng kho dữ liệu để lưu trữ dữ liệu điện tử của các công dân khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

+ Xây dựng Hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu số từ các nguồn khác nhau.

- Phát triển Ứng dụng, dịch vụ nội bộ:

+ Phát triển, hoàn thiện, duy trì Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của tỉnh, phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh, tiến tới triển khai phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp.

+ Phát triển, hoàn thiện, duy trì Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; kết nối, tích hợp theo thời gian thực với các Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

+ Các tổ chức chính trị xã hội triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh, có kết nối liên thông với các sở, ban, ngành của tỉnh.

+ Phát triển, hoàn thiện, duy trì Hệ thống thông tin theo dõi về thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh giao; kết nối, liên thông với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh.

+ Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

+ Đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyển đổi số và niêm phong điện tử trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ.

+ Phát triển các hệ thống làm việc tại nhà, từ xa của các cơ quan nhà nước.

- Phát triển Ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp:

+ Hoàn thiện Công Dịch vụ công của tỉnh, hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh trên cơ sở hợp nhất Công Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh để cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hoàn thành việc tích hợp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh lên cổng Dịch vụ công quốc gia.

+ Xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

+ Phát triển, tích hợp các ứng dụng thanh toán điện tử, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để phổ cập, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.

- Xây dựng, phát triển đô thị thông minh:

+ Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế. Ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị như giám sát giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục và phải bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí.

+ Lựa chọn đô thị điển hình của tỉnh để triển khai thử nghiệm một số dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh; kịp thời sơ kết đánh giá và nhân rộng các mô hình hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ

Nội dung các hoạt động cụ thể (có Phụ lục kèm theo).

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành việc triển khai CCHC từ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đến các sở, cơ quan ngang sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã

Tăng cường vai trò, trách nhiệm, năng lực của cơ quan thường trực CCHC của tỉnh và các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung CCHC trong giai đoạn 2021-2025. Phân công, phối hợp thống nhất, rõ thẩm quyền, trách nhiệm cụ thể giữa các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung CCHC để bảo đảm chương trình được triển khai đồng bộ, thống nhất theo lộ trình và mục tiêu đã đề ra.

Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Chương trình trong phạm vi quản lý của mình; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời gian, từng lĩnh vực; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Coi trọng công tác thi đua, khen thưởng trong CCHC.

2. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin để mọi cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp nhận thức đúng, đồng thuận, chấp hành các chủ trương, chính sách, nội dung CCHC của Đảng, Nhà nước với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với tình hình thực tiễn một cách thường xuyên, liên tục. Tăng cường sự tham gia của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, người dân, doanh nghiệp trong việc giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của các cơ quan hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ.

Tiếp tục sử dụng các biện pháp thiết thực để phát huy dân chủ, thực hiện quyền giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của bộ máy hành chính, như: tăng cường lấy ý kiến, khảo sát sự hài lòng của người dân đối với việc xây dựng thể chế, chính sách, đánh giá ý thức, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức; lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công là thước đo chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước... Tiếp tục đưa các nội dung CCHC vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

3. Bố trí đủ nguồn tài chính và nhân lực cho CCHC

Huy động và bố trí cán bộ, công chức, viên chức có năng lực xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC. Nâng cao năng lực nghiên cứu và công tác tham mưu, đề xuất chỉ đạo của các cơ quan có trách nhiệm giúp UBND tỉnh và UBND các cấp tổ chức thực hiện nhiệm vụ CCHC.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ CCHC của các cơ

quan, địa phương. Ưu tiên bố trí đủ nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC.

4. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với tạo động lực cải cách trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đi liền với các chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với nhân dân.

Tạo động lực cải cách bên trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng nhiều biện pháp, như: đề cao trách nhiệm cá nhân trong thực thi công vụ; quan tâm đến nâng cao lợi ích của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng chính sách lương, thưởng thỏa đáng; đổi mới phương thức đánh giá cán bộ, công chức, viên chức dựa trên kết quả công việc; thực hành dân chủ trong CCHC; cơ chế, chính sách khuyến khích về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ và tạo cơ hội thăng tiến, phát triển cho những cá nhân có trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo trong thực hiện CCHC.

5. Đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC; thường xuyên đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức

Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả CCHC hàng năm của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong đánh giá.

Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp dưới nhiều hình thức khác nhau, trên các nội dung quản lý nhà nước khác nhau, như ban hành cơ chế, chính sách pháp luật; tổ chức thực thi pháp luật; cung cấp dịch vụ công... của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, truyền thông trong khảo sát trực tuyến người dân, tổ chức để cung cấp thông tin thường xuyên, liên tục, kịp thời về tình hình phục vụ của các cơ quan hành chính cho chính quyền các cấp ở địa phương.

6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ CCHC giai đoạn 2021-2025 được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước, gồm: Ngân sách Trung ương (nếu có), ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã và các nguồn khác theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Sở Tài chính. Khuyến khích các cơ quan,

đơn vị, địa phương huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện.

2. Hàng năm, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố căn cứ nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố

a) Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền về Nghị quyết của Chính phủ, Kế hoạch của tỉnh đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Trên cơ sở các nội dung tại Kế hoạch này, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động rà soát, điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, nhiệm vụ vào Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La, giai đoạn 2021-2025. Báo cáo kết quả triển khai theo chế độ báo cáo định kỳ CCHC của UBND tỉnh.

b) Lập dự toán kinh phí để thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án và nhiệm vụ CCHC đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

c) Các sở, ban, ngành chủ trì các hoạt động được nêu trong Phụ lục kèm theo Kế hoạch này có trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức triển khai, báo cáo tiến độ triển khai, thực hiện lĩnh vực phụ trách về thường trực CCHC của tỉnh theo quy định.

2. Sở Nội vụ

a) Là cơ quan thường trực tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. Chủ trì triển khai các nội dung tham mưu cải cách tổ chức bộ máy hành chính, cải cách chế độ công vụ; trình Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quyết định các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch.

b) Chủ trì phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh cụ thể hóa thành Kế hoạch CCHC hằng năm của tỉnh; hướng dẫn các sở, cơ quan ngang sở, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch CCHC hằng năm.

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Chủ tịch UBND trong công tác chỉ đạo, điều hành CCHC; phối hợp với các cơ quan, địa phương đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về Kế hoạch CCHC tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025; triển khai các nội dung Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, Cải cách chế độ công vụ.

d) Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định các đề án thí điểm CCHC do các sở, cơ quan ngang sở, UBND các cấp xây dựng trình Chủ tịch UBND tỉnh.

đ) Hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh xây dựng báo cáo CCHC hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất về tình hình thực hiện Kế hoạch.

e) Chủ trì phối hợp các cơ quan có liên quan giúp Chủ tịch UBND tỉnh triển khai, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo kết quả thực hiện CCHC của các cơ quan, địa phương; trong đó, có các mô hình, cách làm mới về CCHC với mục tiêu xây dựng chính quyền thân thiện, phục vụ Nhân dân.

g) Triển khai thực hiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC đối với UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của Chính phủ và giúp Chủ tịch UBND đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện CCHC đối với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.

h) Chủ trì xây dựng, triển khai thực hiện phương pháp đo lường sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

i) Hàng năm, đề xuất, tham mưu các giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao Chỉ số Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI), Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

k) Hàng năm, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức thực hiện công tác CCHC ở các các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.

l) Đến năm 2025 tiến hành sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021-2030.

3. Sở Tư pháp

a) Theo dõi, tổng hợp việc triển khai nội dung Cải cách thể chế.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp huyện triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL.

c) Chủ trì triển khai có hiệu quả Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đảm bảo thống nhất với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về Cải cách TTHC; cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC; thực hiện kiểm tra công tác kiểm soát TTHC theo thẩm quyền.

b) Theo dõi, đôn đốc, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

c) Nghiên cứu những mô hình mới, cách làm hay trong cải cách TTHC để báo cáo UBND tỉnh xem xét, triển khai nhân rộng.

5. Sở Tài chính

a) Chủ trì, triển khai thực hiện các nhiệm vụ về Cải cách tài chính công trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính trong dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan thường trực về CCHC và các sở, ban, ngành theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách về đổi mới cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Hàng năm, đề xuất, tham mưu các giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao Chỉ số công khai ngân sách tỉnh (POBI) tỉnh Sơn La.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh triển khai Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

b) Phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí từ ngân sách địa phương cho các đề án, dự án trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm về CCHC của các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh.

c) Theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

d) Hàng năm, đề xuất, tham mưu các giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Sơn La.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì triển khai nội dung phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

b) Tham mưu chỉ đạo các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2025.

c) Chủ trì, đôn đốc các sở, ngành, địa phương trong việc đổi mới lề lối, phương thức làm việc thông qua gửi, nhận văn bản điện tử, xử lý hồ sơ công việc và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; điều hành dựa trên dữ liệu số; tích hợp hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

d) Hàng năm, đề xuất, tham mưu các giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao Chỉ số về độ sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển CNTT-TT (ICT Index) tỉnh; Chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI).

e) Chủ trì tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và phối hợp với các cấp, các ngành triển khai thực hiện Kế hoạch số 251/KH-UBND ngày 01/11/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 31/08/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

8. Sở Y tế

a) Chủ trì nhiệm vụ tổ chức, quản lý nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế.

b) Chủ trì thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công theo hướng dẫn của Bộ Y tế; thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì nhiệm vụ tổ chức, quản lý nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

b) Chủ trì thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì nhiệm vụ đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

b) Chủ trì triển khai thực hiện chương trình cải cách chính sách tiền lương đối với người lao động trong các loại hình doanh nghiệp, chính sách bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công; phối hợp với Sở Nội vụ triển khai cải cách chính sách tiền lương cho cán bộ, công chức, viên chức.

11. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thực hiện cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

12. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Thực hiện rà soát các cơ chế, chính sách xã hội hóa hiện hành, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành, địa phương đề xuất, tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản mới hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL hiện hành để đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch phù hợp với điều kiện của tỉnh. Xây dựng trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội: tham gia triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh, có kết nối liên thông với các sở, ban, ngành của tỉnh; phối hợp giám sát, phản biện xã hội về công tác CCHC giai đoạn 2021-2025 của tỉnh.

14. Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Điện lực tỉnh

a) Thực hiện tốt công tác CCHC tại cơ quan. Chú trọng cải cách TTHC, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của cơ quan.

b) Nâng cao trách nhiệm phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan. Tiếp tục thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết

TTHC cấp huyện và cấp xã; tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của đơn vị, thực hiện có hiệu quả dịch vụ bưu chính công ích đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

c) Thường xuyên phối hợp với các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh trong giải quyết TTHC, nhằm tạo thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC.

15. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Sơn La, Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, các cơ quan thông tin, báo chí Trung ương đặt tại địa phương, Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị: xây dựng chuyên mục, chuyên trang về CCHC để tuyên truyền Chương trình CCHC và tiếp nhận ý kiến phản hồi của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về CCHC của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố./. *d*

Phụ lục
DANH MỤC CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh)

STT	Nhiệm vụ/Hoạt động cụ thể	Kết quả/ Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
I	CẢI CÁCH THỂ CHẾ					
1	Rà soát, xây dựng bổ sung các cơ chế, chính sách về thu hút đầu tư tạo động lực cho tăng trưởng, phát triển	- Nghị quyết - Quyết định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
2	Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra, xử lý và rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL hàng năm	- Kế hoạch - Báo cáo	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.	Tháng 1 hàng năm	
3	Quyết định công bố văn bản QPPL hết hiệu lực hàng năm	Quyết định	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Tháng 1 hàng năm	Ngân sách tỉnh
4	Thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành mới các văn bản QPPL đảm bảo phù hợp với quy định của cơ quan nhà nước cấp trên, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong quản lý điều hành của địa phương; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp	- Các văn bản quy phạm pháp luật - Các báo cáo thẩm định, báo cáo tiếp thu - Các văn bản xin ý kiến..	Các sở, ban, ngành	- Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tư pháp	2021-2025	Ngân sách tỉnh
5	Cập nhật văn bản vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	Cập nhật kịp thời đầy đủ các văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh trên cơ sở dữ liệu quốc gia về	Sở Tư pháp	Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh; Trung tâm lưu trữ lịch sử, Sở Nội vụ	Sau khi HĐND, UBND tỉnh ban hành các văn bản QPPL	

		pháp luật				
6	Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật	- Kế hoạch - Báo cáo kết quả thực hiện	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Tháng 1 hàng năm	
7	Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật	- Kế hoạch - Báo cáo kết quả thực hiện	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Tháng 1 hàng năm	
8	Triển khai Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành TW Đảng khoá XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	- Văn bản đơn đốc - Kế hoạch - Quyết định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2021	
9						
II CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH						
1	Quyết định ban hành Quy định một số nội dung cụ thể và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quản lý, thực hiện các dự án đầu tư do cấp tỉnh quản lý	- Quyết định - Báo cáo theo quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2021-2022	
2	Kế hoạch kiểm soát TTHC hàng năm	- Kế hoạch - Báo cáo theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý I hàng năm	Ngân sách tỉnh
3	Năm 2021, tổ chức triển khai quy trình số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%, 20%, 15%; giai đoạn 2022-2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối,	Hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố; UBND cấp xã	2021-2025	Ngân sách tỉnh

	chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử					
4	Hoàn thành việc triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Sơn La theo Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh	Báo cáo theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2021-2025	Ngân sách tỉnh
5	Triển khai thực hiện Đề án “Phân cấp trong giải quyết TTHC” (Theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ)	- Kế hoạch - Báo cáo theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022	
6	Đề xuất giải pháp tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, TTHC, thông qua tăng cường đối thoại, lắng ý kiến người dân, doanh nghiệp	- Kế hoạch/Công văn - Báo cáo theo quy định	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh	2021-2025	
7	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính để hỗ trợ việc nâng cao chất lượng các quy định hành chính và giám sát việc thực hiện TTHC của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp	Báo cáo theo quy định	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh	2021-2025	
III CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC						
1	Triển khai thực hiện Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thí điểm sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 (Sau khi có văn bản của cấp có thẩm quyền)	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2024	
2	Sắp xếp, giám sát tối đa các ban quản lý dự án trực thuộc UBND tỉnh	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
3	Quyết định giao tự chủ tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nội vụ, Sở Tài chính	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	2021-2025	
4	Triển khai thực hiện Đề án “Đổi mới tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập” (Sau khi Bộ Khoa học công nghệ	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022	

	<i>nghệ ban hành hướng dẫn</i>					
5	Triển khai thực hiện Đề án “Thí điểm thực hiện hợp đồng hành chính trong các cơ quan hành chính nhà nước” (Sau khi Bộ Nội vụ ban hành hướng dẫn)	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022	
6	Quyết định sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp quản lý giữa các cấp ở địa phương	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
7	Quyết định triển khai thực hiện Đề án “Đổi mới phương pháp đánh giá chất lượng hoạt động của tổ chức hành chính dựa trên kết quả” (Sau khi Bộ Nội vụ ban hành hướng dẫn)	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022	
8	Kế hoạch triển khai Đề án “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công” (Sau khi Bộ Y tế ban hành hướng dẫn)	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022	Ngân sách tỉnh
9	Kế hoạch triển khai Đề án “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công” (Sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hướng dẫn)	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022	Ngân sách tỉnh
10	Rà soát, sắp xếp hệ thống mạng lưới trường lớp, lớp mầm non, phổ thông đảm bảo tính gọn, hiệu quả, gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý, giáo viên và người lao động của ngành theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
11	Xây dựng, triển khai thực hiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	- Quyết định - Kế hoạch - Báo cáo theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2021-2025	Ngân sách tỉnh
12	Xây dựng, triển khai thực hiện phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.	- Quyết định - Kế hoạch - Báo cáo theo quy	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2021-2025	Ngân sách tỉnh

IV	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	định				
1	Đề án vị trí việc làm theo Nghị định 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức Nghị định 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
2	Kế hoạch thực hiện hàng năm (<i>từng giai đoạn</i>) thực hiện Chương trình phát triển thanh niên giai đoạn 2021-2030 trên cơ sở Chiến lược đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và hướng dẫn của Bộ Nội vụ	- Kế hoạch - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý I hàng năm	
3	Triển khai thực hiện Đề án “Liên thông trong công tác đánh giá đảng viên và đánh giá cán bộ, công chức, viên chức” (<i>Sau khi Bộ Nội vụ ban hành hướng dẫn</i>)	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022	
4	Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài (<i>Sau khi Bộ Nội vụ ban hành hướng dẫn</i>).	- Kế hoạch - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2021	Ngân sách tỉnh
5	Triển khai thực hiện Đề án liên thông cán bộ, công chức cấp xã với cấp huyện, cấp tỉnh tiến tới phân định cán bộ, công chức tại địa phương (<i>Sau khi Bộ Nội vụ ban hành hướng dẫn</i>)	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022	
6	Quyết định giao chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm, giai đoạn	- Quyết định của UBND tỉnh; - Báo cáo đánh giá kết quả đào tạo; - Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, ...	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành, các đơn vị sự nghiệp; UBND các huyện, thành phố; UBND cấp xã; các cơ sở đào tạo.	- Quý IV hàng năm - Báo cáo quý, 6 tháng và năm.	Ngân sách tỉnh
7	Xây dựng quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị	- Quyết định - Công văn - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành; các đơn vị sự nghiệp; UBND các huyện, thành	2022	

	trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm cụ thể			phó; UBND cấp xã.		
8	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công tác cải cách hành chính ở các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; UBND các xã, phường, thị trấn	Kế hoạch Quyết định Báo cáo theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố; UBND các xã	2021-2025	Ngân sách tỉnh
V	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG					
1	Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần	Quyết định của UBND tỉnh; báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nội vụ	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
2	Quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật	Quyết định của UBND tỉnh; báo cáo kết quả theo quy định	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
3	Quyết định ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Quyết định của UBND tỉnh; báo cáo kết quả theo quy định	Các cơ quan quản lý chuyên ngành theo Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của UBND tỉnh	Sở Tài chính; các cơ quan, đơn vị có liên quan	2021-2025	
4	Quyết định ban hành quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm các quy định về nguồn thu, nhiệm vụ chi, phân phối thu nhập bổ sung; thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập	Quyết định của UBND tỉnh; báo cáo kết quả theo quy định	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
5	Quyết định sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo điều kiện đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, nhất là y tế,	Quyết định của UBND tỉnh; báo cáo kết quả theo	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2021-2025	

	giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ...	quy định				
6	Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách thúc đẩy, đổi mới và nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp nhà nước	- Nghị Quyết - Quyết định của UBND tỉnh; - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
VI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ						
1	Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số tỉnh Sơn La hàng năm	- Kế hoạch - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý IV hàng năm	Ngân sách tỉnh
2	Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chính quyền số của các cơ quan nhà nước tỉnh Sơn La hàng năm	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý IV hàng năm	Ngân sách tỉnh
3	Triển khai thực hiện Đề án Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2022 – 2025	Báo cáo kết quả triển khai theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022	Ngân sách tỉnh
4	Ban hành quy định về định danh và xác thực điện tử	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2025	Ngân sách tỉnh
5	Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022	Ngân sách tỉnh
6	Duy trì Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP)	Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022-2025	Ngân sách tỉnh
7	Xây dựng, phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong Chính quyền điện tử, Chính quyền số	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2025	Ngân sách tỉnh
8	Xây dựng kho dữ liệu điện tử lưu trữ dữ liệu tổ chức, cá nhân	Cơ sở dữ liệu	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022-2025	Ngân sách tỉnh
9	Xây dựng Hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu tổng	Báo cáo kết quả	Sở Thông tin và	Các sở, ban,	2022-2025	Ngân sách tỉnh

	hợp cấp của tỉnh	theo quy định	Truyền thông	ngành, UBND các huyện, thành phố		
10	Duy trì, phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin phục vụ hợp và xử lý công việc của tỉnh	Báo cáo kết quả theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022-2025	Ngân sách tỉnh
11	Duy trì, phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022-2025	Ngân sách tỉnh
12	Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ, xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử, có tích hợp ký số	Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022-2025	Ngân sách tỉnh
13	Duy trì, phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh	Báo cáo kết quả theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022-2025	Ngân sách tỉnh
14	Triển khai tích hợp, áp dụng ký số trong các hệ thống thông tin của tỉnh	Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022-2025	Ngân sách tỉnh
15	Tạo lập hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh	Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022-2025	Ngân sách tỉnh
16	Hoàn thiện Công Dịch vụ công của tỉnh, đảm bảo tích hợp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh lên công Dịch vụ công quốc gia	Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022-2025	Ngân sách tỉnh
17	Xây dựng kênh tương tác trực tuyến giữa người dân và các cơ quan hành chính nhà nước	Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022-2025	Ngân sách tỉnh
VII	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI					
1	Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án, dự án cụ thể hóa Chiến lược và Kế hoạch hành động; tích hợp các nhiệm vụ, mục tiêu	- Kế hoạch - Báo cáo kết quả	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2022	

	<i>tăng trưởng xanh vào quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương; cân đối ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện các chương trình, đề án, dự án thúc đẩy tăng trưởng xanh; định kỳ hàng năm báo cáo tình hình thực hiện Chiến lược, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo theo quy định)</i>					
2	Xây dựng và hình thành 8 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh	- Quyết định - Kế hoạch - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
3	Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào khu công nghiệp, phấn đấu tỷ lệ lấp đầy đạt trên 60% tổng diện tích vào năm 2025 (trong đó: Khu công nghiệp Mai Sơn giai đoạn II phấn đấu tỷ lệ lấp đầy đạt 100% diện tích khu công nghiệp; thu hút nhà đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Vân Hồ có kết cấu hạ tầng đồng bộ, thu hút nhà đầu tư thứ cấp đạt 50% diện tích khu công nghiệp)	- Báo cáo kết quả theo quy định	Ban QL các khu công nghiệp tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
4	Thu hút nhà đầu tư vào cụm công nghiệp, phấn đấu đạt tỷ lệ lấp đầy trên 70% diện tích vào năm 2025 đối với cụm công nghiệp chưa có chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật	- Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2021-2025	
5	Thu hút nhà đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật vào cụm công nghiệp, phấn đấu đạt tỷ lệ lấp đầy trên 70% diện tích vào năm 2025.	- Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2021-2025	